

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU
CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Kỹ thuật máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Hồng Quang

2. Ngày tháng năm sinh: 12/01/1978; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Nhật Tân, Tiên Lữ, Hưng Yên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số 52, phố Trần Quốc Hoàn, phường Nghĩa Đô, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Số 52, phố Trần Quốc Hoàn, phường Nghĩa Đô, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0978813688;

E-mail: quangnh@soict.hust.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 09/2000 đến 06/2025: Giảng viên tại Khoa Kỹ thuật máy tính, Trường Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Bách Khoa Hà Nội

Chức vụ hiện nay: Không; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn Kỹ thuật máy tính

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Kỹ thuật máy tính, Trường Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Bách Khoa Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Phòng 801, nhà B1, Đại học Bách Khoa Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 15 tháng 06 năm 2000, số văn bằng: 200978, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Công nghệ thông tin

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 27 tháng 05 năm 2004, số văn bằng: 000731, ngành: Xử lý thông tin và Truyền thông, chuyên ngành: Xử lý thông tin và Truyền thông

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 21 tháng 11 năm 2008, số văn bằng: 6588994, ngành: Tin học, chuyên ngành: Tin học

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Avignon, Cộng Hòa Pháp

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Bách khoa Hà Nội, Hội đồng I: Điện, Điện tử - Tự động hoá, Công nghệ thông tin, Toán học

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nhận dạng tự động thông tin trong tiếng nói, tập trung cho tiếng Việt.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo để trợ giúp bác sỹ dự đoán và chẩn đoán bệnh.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 1 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 8 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Bộ; 3 cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 56 bài báo khoa học, trong đó 16 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	2017
2	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	2019
3	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	2020
4	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	2021
5	Đã có thành tích hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải Ba giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ và VIFOTEC năm học 2008-2009	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	2010

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo.
- Luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy được Nhà trường giao.
- Tích cực, nhiệt tình tham gia công tác nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 20 năm 9 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020				10	420		420/594/270
2	2020-2021				12	345	90	435/679/240
3	2021-2022				12	480		480/732/240
03 năm học cuối								
4	2022-2023				14	495		495/675/240
5	2023-2024				13	360		360/520/220
6	2024-2025				20	360		360/543/200

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh, tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: Cộng Hòa Pháp năm 2008

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Tiếng Anh trình độ B2

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Ngọc Hưng	X			X	10/2012 đến 05/2017	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	13/12/2017
2	Bùi Duy Chiên		X	X		10/2012 đến 09/2014	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	16/03/2015
3	Đào Thị Thu Diệp		X	X		12/2011 đến 10/2013	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	19/12/2013
4	Đỗ Quốc Bình		X	X		05/2013 đến 06/2014	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	05/08/2014
5	Hoàng Văn Hiệp		X	X		01/2010 đến 10/2011	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	20/12/2011
6	Nguyễn Thị Hiền		X	X		01/2011 đến 10/2012	Trường Đại học Bách	28/01/2013

							Khoa Hà Nội	
7	Nguyễn Thị Thanh		X	X		04/2014 đến 10/2016	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	27/12/2016
8	Nguyễn Thu Huyền		X	X		10/2012 đến 09/2014	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	16/03/2015
9	Phạm Thu Thuận		X	X		10/2012 đến 09/2014	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	16/03/2015

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng,
----	--	-----------	----------------------	---------------------	------------------------------------

					năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Hệ thống truy vấn thông tin từ nguồn dữ liệu tiếng nói tiếng Việt	CN	B2010-01-363, cấp Bộ	01/01/2010 đến 30/12/2011	16/5/2012 Xếp loại: Tốt
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu tiếng nói liên tục cho tiếng Việt	CN	T2009-25, cấp Cơ sở	10/04/2009 đến 15/12/2009	15/12/2009 Xếp loại : Tốt
3	Nghiên cứu xây dựng hệ thống nhận dạng phương ngữ tiếng Việt sử dụng phương pháp học sâu	CN	T2016-PC-044, cấp Cơ sở	01/08/2016 đến 30/07/2017	26/7/2017 Xếp loại: Tốt
4	Nghiên cứu xây dựng hệ thống phát hiện chứng loạn nhịp tim rung tâm nhĩ sử dụng phương pháp học sâu	CN	T2017-PC-080, cấp Cơ sở	01/11/2017 đến 30/10/2018	19/11/2018 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Nhận dạng tiếng nói tiếng Việt phát âm liên tục	2	Có	Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia lần thứ hai về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Công nghệ Thông tin và truyền thông			243-250	09/2004
2	Reconnaissance de la parole continue à grand vocabulaire en vietnamien, une	4	Có	Kỷ yếu hội nghị quốc tế: Actes des XXVIIes Journée d'Etude sur la Parole (JEP 2008)		3	281-284	06/2008

	langue syllabique tonale							
3	Tone recognition of Vietnamese continuous speech using hidden Markov model	4	Có	Kỷ yếu hội nghị quốc tế: 2nd International Conference on Communication and Electronics (HUTICCE 2008) / ISBN: 978-1-4244-2426-9		15	235-238	06/2008
4	A Novel Approach in Continuous Speech Recognition for Vietnamese, an Isolating Tonal Language	4	Có	Kỷ yếu hội nghị quốc tế: Proceedings of the INTERSPEECH 2008 / ISBN: 978-1-61567-378-0		15	1149-1152	09/2008
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
5	Một hướng tiếp cận dựa trên tần số cơ bản để phân biệt phương ngữ tiếng Việt theo phương thức phát âm	3	Không	Kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia lần thứ VI, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2013) / ISBN 978-604-913-165-3			265-269	06/2013
6	Nhận dạng phương ngữ tiếng Việt sử dụng mô hình Gauss hỗn hợp	4	Không	Kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia lần thứ VII, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR			449-452	06/2014

				2014) / ISBN 978-604-913-300-8				
7	Ảnh hưởng của lứa tuổi và giới tính đến tần số cơ bản và năng lượng của tiếng Việt nói	5	Có	Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ quốc gia lần thứ VIII, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2015) / ISBN 978-604-913-397-8			40-50	07/2015
8	Nhận dạng phương ngữ tiếng Việt sử dụng MFCC và tần số cơ bản	3	Không	Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ quốc gia lần thứ VIII, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2015) / ISBN 978-604-913-397-8			523-528	07/2015
9	Đánh giá hiệu năng một số mô hình học máy thống kê với vấn đề nhận dạng thanh điệu tiếng Việt nói	2	Có	Kỷ yếu hội nghị quốc gia về điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin (ECIT 2015) / ISBN 978-604-67-0635-9			342-347	12/2015
10	Cải thiện hiệu năng hệ thống nhận dạng tiếng Việt với thông tin về phương ngữ	4	Không	Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ quốc gia lần thứ IX, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2016) / ISBN 978-604-913-472-2			63-69	08/2016

11	So sánh hiệu năng một số phương pháp nhận dạng cảm xúc tiếng Việt nói	4	Không	Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ quốc gia lần thứ IX, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2016) / ISBN 978-604-913-472-2			656-662	08/2016
12	So sánh một số bộ phân lớp dùng cho nhận dạng phương ngữ tiếng Việt	4	Không	Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ quốc gia lần thứ IX, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2016) / ISBN 978-604-913-472-2			663-667	08/2016
13	Định danh tự động một số làn điệu dân ca Việt Nam	3	Không	Hội thảo quốc gia lần thứ XIX một số vấn đề chọn lọc của công nghệ thông tin và truyền thông (@2016) / ISBN 978-604-67-0781-3			92-97	10/2016
14	Nhận dạng phương ngữ tiếng Việt sử dụng mạng nơ ron tích chập CNN	3	Không	Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ quốc gia lần thứ X, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2017) / ISBN 978-604-913-614-6			710-715	08/2017
15	Ảnh hưởng của đặc trưng phổ	4	Không	Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ			36-45	08/2017

	tín hiệu tiếng nói đến nhận dạng cảm xúc tiếng Việt			quốc gia lần thứ X, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2017) / ISBN 978-604-913-614-6				
16	Mô hình GMM định danh tự động một số làn điệu dân ca quan họ Bắc Ninh	4	Không	Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ quốc gia lần thứ X, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2017) / ISBN 978-604-913-614-6			416-421	08/2017
17	Phân lớp định danh chèo và quan họ	3	Không	Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ quốc gia lần thứ XI, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2018) / ISBN 978-604-913-749-5			395-403	08/2018
18	Automatic Speech Recognition for Vietnamese using HTK system	3	Không	Proceedings of the IEEE RIVF international conference on computing and communication technologies (RIVF 2010) / ISBN 978-1-4244-8072-2		19	103-106	11/2010
19	Text-dependent Speaker	4	Có	Proceedings of the IEEE fifth			202-206	12/2013

	Recognition for Vietnamese			international conference on soft computing and pattern recognition (SoCPaR 2013) / ISBN 978-1-4799-3400-3				
20	Corpus and Statistical Analysis of F0 Variation for Vietnamese Dialect Identification	3	Không	Proceedings of the 3rd international conference on computer and computing science (COMCOMS 2015) / ISSN 2287-1233			205-210	10/2015
21	Tone Recognition of Isolated Vietnamese Syllables	3	Có	Proceedings of AUN/SEED-NET regional conference for computer and information engineering (RCCIE 2015) / ISBN 978-604-938-689-3			42-48	10/2015
22	A Novel Approach for Spoken Term Detection in Vietnamese	3	Có	Proceedings of the 3rd international conference on computing, management and telecommunications (IEEE ComManTel 2015) / ISBN 978-1-4673-6547-5			68-72	12/2015
23	PBX Autoresponder System for Information	3	Không	Proceedings of the intelligent information and database systems			509-518	03/2016

	Lookup of Pupil Records			(ACIIDS 2016) / ISBN 978-3-642-49389-2				
24	Vietnamese Speech Recognition using LSTM neural network	4	Không	Proceedings of the 9th regional conference on electrical and electronics engineering (AUN/SEED-NET RCEEE 2016), ISBN 978-604-93-8944-3			274-278	11/2016
25	Một phương pháp lựa chọn nhanh tham số cho hệ thống nhận dạng tiếng nói	3	Không	Tạp chí nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự / ISSN 1859-1043			16, 169-178	12/2011
26	Cải thiện hiệu năng của hệ thống nhận dạng tiếng Việt nói bằng phương pháp xử lý lưới từ hậu nghiệm	4	Có	Tạp chí nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự / ISSN 1859-1043			25-32	11/2012
27	Nhận dạng tiếng Việt nói trên thiết bị di động	2	Không	Tạp chí Khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội / ISSN 2354-1059			7A/2015 VN 7, 180-188	10/2015
28	Building of Corpus for Vietnamese Dialect Identification	3	Không	Tạp chí khoa học và công nghệ các trường đại học kỹ thuật / ISSN 2354-1083			109, 49-55	10/2015

29	Cảm xúc trong tiếng nói và phân tích thống kê ngữ liệu cảm xúc tiếng Việt	4	Không	Chuyên san các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông / ISSN 1859-3526			V-1, 15	06/2016
30	Automatic identification of Vietnamese dialects	3	Không	Tạp chí tin học và điều khiển học / ISSN 1813-9663			32, 1, 19-30	07/2016
31	Nhân dạng tiếng Việt nói sử dụng bộ công cụ Kaldi	4	Không	Chuyên san điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, tạp chí khoa học công nghệ thông tin và truyền thông / ISSN 2525-2224			3-4 (CS.01), 7-15	04/2017
32	GMM for emotion recognition of Vietnamese	3	Không	Journal of computer science and cybernetics / ISSN 1813-9663			33, 3, 229-246	03/2018
33	Tổng hợp tiếng Việt có cảm xúc	5	Không	Chuyên san các công trình nghiên cứu phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, Tạp chí thông tin và truyền thông / ISSN 1859-3526			18 (38) 67-76	12/2017
34	Some new results on automatic identification of Vietnamese	3	Không	Journal of computer science and cybernetics / ISSN 1813-9663			36, 4, 325-345	12/2020

	folk songs cheo and quanho							
35	Emotion Recognition with Capsule Neural Network	3	Có	Computer Systems Science & Engineering / ISSN 0267-6192	Có - SCIE <i>IF: 1.486, Q3</i>	12	41, 3, 1083-1098	11/2021
36	Emotional vietnamese speech synthesis using style-transfer learning	3	Có	Computer Systems Science and Engineering / ISSN 0267-6192	Có - SCIE <i>IF: IF 1.486, Q3</i>	4	44, 2, 1263-1278	06/2022
37	Automatic skin lesion analysis towards melanoma detection	2	Có	Proceedings of the 2017 21st Asia Pacific Symposium on Intelligent and Evolutionary Systems (IES 2017) / ISBN 978-1-5386-0743-5		87	106-111	11/2017
38	Diabetic Retinopathy Detection using Deep Learning	7	Có	Proceedings of the 4th International Conference on Machine Learning and Soft Computing (ICMLSC 2020) / ISBN 978-1-4503-7631-0		128	103-107	01/2020
39	Ensemble of Deep Learning Models for In-Hospital Mortality Prediction	2	Không	Proceedings of the Advances in Engineering Research and Application (ICERA 2020) /			391-398	11/2020

				ISBN 978-3-030-64718-6				
40	Phân loại bệnh rung nhĩ dùng XGBOOST và học sâu	6	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên / ISSN 1859-2171			189, 13, 85-91	03/2018
41	Predicting the Onset of Type 2 Diabetes using Wide and Deep Learning with Electronic Health Records	10	Không	Journal of Computer Methods and Programs in Biomedicine, Elsevier / ISSN 0169-2607	Có - SCIE <i>IF: 4.8, Q1</i>	187	182 1-9	12/2019
42	Classification of adaptor proteins using recurrent neural networks and PSSM profiles	6	Không	BMC Genomics / ISSN 1471-2164	Có - SCIE <i>IF: 3.5, Q1</i>	38	20 1-9	12/2019
43	iEnhancer-ECNN: identifying enhancers and their strength using ensembles of convolutional neural networks	6	Có	BMC Genomics / ISSN 1471-2164	Có - SCIE <i>IF: 3.5, Q1</i>	77	20 1-10	12/2019
44	iProDNA-CapsNet: identifying protein-DNA binding residues using	5	Không	BMC Bioinformatics	Có - SCIE <i>IF: Q1</i>	52	20 1-12	12/2019

	capsule neural networks							
45	iPseU-NCP: Identifying RNA pseudouridine sites using random forest and NCP-encoded features	6	Không	BMC Genomics / ISSN 1471-2164	Có - SCIE <i>IF: 3.5, Q1</i>	34	20 1-11	12/2019
46	Stacking Segment-based CNN with SVM for Recognition of Atrial Fibrillation from Single-lead ECG Recordings	6	Có	Biomedical Signal Processing and Control, Elsevier / ISSN 1746-8094	Có - SCIE <i>IF: 4.9, Q1</i>	81	68 1-6	05/2021
47	iAnt: Combination of Convolutional Neural Network and Random Forest Models Using PSSM and BERT Features to Identify Antioxidant Proteins	2	Có	Current Bioinformatics	Có - SCIE <i>IF: 2.4, Q3</i>	22	17, 2, 184 – 195	12/2021
48	Bone age assessment and sex	6	Có	Expert Systems with Applications,	Có - SCIE <i>IF: 7.5, Q1</i>	26	200 1-11	08/2022

	determination using transfer learning			Elsevier / ISSN 0957-4174				
49	Identifying Transcription Factors That Prefer Binding to Methylated DNA Using Reduced G-Gap Dipeptide Composition	4	Có	ACS Omega, American Chemical Society / ISSN 2470-1343	Có - SCIE <i>IF: 4.3, Q1</i>	5	7, 36, 32322–32330	08/2022
50	eMICAntiKP: Estimating Minimum Inhibitory Concentrations of Antibiotics towards Klebsiella Pneumoniae using Deep Learning	6	Có	Computational and Structural Biotechnology Journal, Elsevier / ISSN 2001-0370	Có - SCIE <i>IF: 4.1, Q1</i>	5	21 751-757	01/2023
51	An Efficient Hybrid Deep Learning Architecture for Predicting Short Antimicrobial Peptides	4	Có	Proteomics, Wiley / ISSN 1615-9853	Có - SCIE <i>IF: 3.9, Q2</i>	3	24, 14, 1-8	07/2024
52	From SMILES to Enhanced Molecular Property Prediction: A	4	Không	Journal of Chemical Information and Modeling, American Chemical	Có - SCIE <i>IF: 5.7, Q1</i>		64, 24, 9173-9195	12/2024

	Unified Multi-Modal Framework with Predicted 3D Conformers and Contrastive Learning Techniques			Society / ISSN 1549-9596				
53	AIM: An Accurate and Explainable Model for ATAC to GEX Translation and Pathway Analysis	6	Có	Memetic Computing, Springer / ISSN 1865-9284	Có - SCIE <i>IF: 3.3, Q1</i>		17 1-21	03/2025
54	Combination of 2D and 3D nnU-Net for ground glass opacity segmentation in CT images of Post-COVID-19 patients	3	Có	Computers in Biology and Medicine, Elsevier / ISSN 0010-4825	Có - SCIE <i>IF: 6.3, Q1</i>		195 1-18	06/2025
55	Ensemble of Convolutional Neural Networks for the Detection of Prostate Cancer in Multi-parametric MRI Scans	6	Có	Soft Computing for Biomedical Applications and Related Topics, Studies in Computational Intelligence / ISBN 978-3-030-49535-0			231-241	06/2020

56	End-to-end Hand Rehabilitation System with Single-shot Gesture Classification for Stroke Patients	6	Có	Biomedical and Related Applications, Studies in Computational Intelligence / ISSN 978-3-030-76619-1			59-67	06/2021
----	---	---	----	---	--	--	-------	---------

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 11 ([35] [36] [43] [46] [47] [48] [49] [50] [51] [53] [54])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2025

**Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)**

Nguyễn Hồng Quang